

## 就醫注意事項

### NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý KHI ĐI KHÁM BỆNH

1. 選擇提供保障隱私與安全的空間與程序。

1. Chọn những nơi có phòng khám và quá trình khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm kín đáo và an toàn.

◎ 內診空間應獨立且完善，並張貼內診實施程序與原則於明顯之處。

◎ Nơi khám bệnh phải độc lập và hoàn thiện, bảng nguyên tắc và trình tự thực hiện của phòng khám phải được đặt ở những nơi dễ nhìn thấy.

◎ 進行內診或觸身檢查前，應有充份說明並解釋其必要性，必要時由女性醫療人員或志工進行解說並陪伴。

◎ Trước khi tiến hành khám bệnh hoặc kiểm tra các bộ phận trên cơ thể, phải giải thích rõ sự cần thiết của việc khám và kiểm tra đó. Trong trường hợp cần thiết thì phải có nhân viên điều trị là nữ giới hoặc nhân viên tình nguyện giải thích và cùng ở bên cạnh.

◎ 門診內隔離出「觸診檢查室」，並設有門禁，避免無關人員隨意進出。

◎ Phòng khám bệnh riêng cho từng người, phải được phân cách và có cửa an toàn, để tránh người ngoài tự ý ra vào.

◎ 當我接受暴露身體的相關檢查時，醫療人員應拉上隔簾。

◎ Khi bạn chấp thuận cởi bỏ quần áo để khám, thì nhân viên điều trị phải kéo rèm ngăn.

◎ 不應讓我暴露身體等待醫護人員來檢查。

◎ Không nên cởi bỏ quần áo trước và chờ đợi nhân viên điều trị đến khám.

◎ 加護病房家屬休息室應提供獨立空間，以保障女性家屬的隱密性及安全性。

◎ Phải có nơi nghỉ ngơi riêng biệt dành cho người nhà của những bệnh nhân đang bị bệnh nặng ở phòng theo dõi đặc biệt, để đảm bảo sự an toàn và kín đáo đối với người nhà bệnh nhân là nữ giới.

◎ 設有協助夜間女性患者離院時計程車管理與車號的登記系統。

◎ Phải có hệ thống quản lý và đăng ký số xe ta-xi, để hỗ trợ những bệnh nhân nữ rời khỏi bệnh viện vào ban đêm.

2. 選擇尊重我醫療自主權的院所：

2. Chọn những bệnh viện hoặc phòng khám tôn trọng quyền tự quyết định điều trị của bạn.

◎ 醫療人員會考量婦女因其年齡、階級、族群及性傾向的各種處境，而有不同的生理、心理健康的醫療需求。

◎ Nhân viên điều trị phải quan tâm đến phụ nữ ở những hoàn cảnh khác nhau như: độ tuổi, cấp bậc, chủng tộc, có khuynh hướng chuyển đổi giới tính, mà có những nhu cầu khác nhau về điều trị sinh lý, tâm lý.

- ◎我有權知道自己健康相關的診斷、治療上的各種過程與決策。
- ◎ Bạn có quyền được biết những quyết định của nhân viên điều trị về quá trình khám và chữa bệnh có liên quan đến vấn đề sức khỏe của chính mình.
  
- ◎尊重病人及家屬知道病情的權利，醫師要以病人可以理解的語言，向病人及其陪同家屬說明病情。
- ◎ Tôn trọng quyền được biết rõ về tình trạng bệnh của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Nhân viên điều trị nên dùng những lời nói dễ hiểu để giải thích rõ tình trạng bệnh cho bệnh nhân và người nhà biết.
  
- ◎醫療人員討論病情時注意在場的病人及家屬，應適時給予解釋。
- ◎ Khi nhân viên điều trị thảo luận về tình hình bệnh tật, phải chú ý đến sự có mặt của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, để đưa ra những lời giải thích đúng lúc.
  
- ◎孕婦有選擇生產方式的自主權，婦產科醫師應充分解釋不同生產方式的利弊及個別孕婦狀況評估。
- ◎ Sản phụ có quyền quyết định chọn hình thức sinh đẻ, bác sĩ sản phụ khoa cần giải thích rõ những ưu khuyết điểm của các phương pháp sinh đẻ khác nhau và đánh giá tình trạng của mỗi sản phụ.
  
- ◎醫療人員面對婦女人工流產、乳房切除、子宮切除等醫療處置前後，會提供充分溝通、心理調適和尊重個別差異性。
- ◎ Trước và sau khi xử lý các trường hợp như: nạo hút thai, cắt bỏ tuyến vú, cắt bỏ tử cung, thì nhân viên điều trị phải để cho bệnh nhân có đủ thời gian trao đổi, giúp đỡ điều chỉnh tâm lý, và tôn trọng sự khác biệt của từng người.
  
- ◎醫療人員可主動提供乳癌及子宮切除患者伴侶的諮詢服務。
- ◎ Nhân viên điều trị có thể chủ động tư vấn cho người bạn đời của bệnh nhân những vấn đề có liên quan đến cắt bỏ tử cung và cắt bỏ tuyến vú.
  
- ◎醫療人員使用超音波進行產檢時，應避免性別歧視的語言或主動談論胎兒的性別。
- ◎ Khi tiến hành siêu âm khám thai, nhân viên điều trị nên tránh dùng những lời nói có tính chất phân biệt giới tính hoặc chủ động bàn luận về giới tính của thai nhi.
  
- ◎醫療人員在執行任何醫療程序前，都應說明用意，並徵求我的同意。
- ◎ Nhân viên điều trị trước khi tiến hành bất kỳ một phương pháp điều trị nào, thì cũng đều phải giải thích rõ tác dụng và phải được sự đồng ý của bạn.
  
- ◎我所接受的檢查與醫療—應以我的權利為考量，而不會以醫療或商業利益為目的。
- ◎ Khi bạn tiếp nhận kiểm tra và điều trị, thì nên suy nghĩ đến quyền lợi của chính bạn, chứ không phải vì mục đích của việc trị liệu hoặc lợi ích của các nhà doanh nghiệp.